

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2023/DS-PT

Ngày: 14/11/2023

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Lộc

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: **Bùi Thị Kim Yến**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 209/2023/TLPT-DS, ngày 18 tháng 10 năm 2023, về việc tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi*”, do bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST, ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 226/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Ngọc H - Sinh năm 1954; nơi cư trú: Tổ I, ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn:*

1/ Bà Nguyễn Thị N - Sinh năm 1965

2/ Ông Lê Văn D - Sinh năm 1965

Cùng nơi cư trú: Tổ E, ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N - Bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 14/01/2022 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Ngọc H trình bày:

Bà là chị ruột của ông Lê Văn D, là chị chồng của bà Nguyễn Thị N. Vợ chồng bà N, ông D mở và làm chủ hội ở địa phương và bà có tham gia cụ thể như sau:

1/ Hội mở ngày 01/5/2021 (nhằm ngày 20/3/2021 âm lịch), bà Nguyễn Thị N mở 01 dây hội 1.000.000đ, mỗi tháng khai 01 lần, dây hội có 20 thành viên, bà tham gia 01 phần và đã đóng hội sống cho bà N được 06 lần với số tiền 6.000.000đ nhưng sau đó bà xác định lại là bà đóng hội sống cho bà N được 07 lần (từ tháng 3/2021 đến tháng 9/2021 âm lịch) với số tiền 5.470.000đ; cụ thể: Lần 1 đóng 750.000đ, lần 2 đóng 790.000đ, lần 3 đóng 770.000đ, lần 4 đóng 800.000đ, lần 5 đóng 800.000đ, lần 6 đóng 760.000đ, lần 7 đóng 800.000đ. Sau đó, bà N đình hội (không góp hội nữa).

2/ Hội mở ngày 05/6/2021 (nhằm ngày 25/4/2021 âm lịch), bà N mở dây hội 1.000.000đ, hội mỗi tháng khai 01 lần, dây hội có 20 thành viên, bà tham gia 01 phần và đóng hội sống cho bà N được 06 lần với số tiền 6.000.000đ, nhưng sau đó bà xác định lại bà đóng hội sống cho bà N 06 lần (từ tháng 4/2021 đến tháng 9/2021 âm lịch) với số tiền 4.350.000đ; cụ thể: Lần 1 đóng 750.000đ, lần 2 đóng 750.000đ, lần 3 đóng 700.000đ, lần 4 đóng 700.000đ, lần 5 đóng 750.000đ, lần 6 đóng 700.000đ. Sau đó, bà H không đóng nữa vì bà N đã đình hội (bà N không góp hội nữa).

3/ Hội mở ngày 01/10/2020 (nhằm ngày 15/8/2020 âm lịch), bà N mở dây hội 1.000.000đ, hội mỗi tháng khai 01 lần, dây hội có 20 thành viên, bà tham gia 01 phần và đã đóng hội sống cho bà N được 14 lần với số tiền 14.000.000đ, nhưng sau đó bà xác định lại bà đóng cho bà N 14 lần (từ tháng 8/2020 đến tháng 9/2021 âm lịch) với số tiền 10.450.000đ, cụ thể: lần 1 đóng 800.000đ, lần 2 đóng 750.000đ, lần 3 đóng 700.000đ, lần 4 đóng 690.000đ, lần 5 780.000đ, lần 6 đóng 800.000đ, lần 7 đóng 740.000đ, lần 8 đóng 800.000đ, lần 9 đóng 750.000đ, lần 10 đóng 790.000đ, lần 11 đóng 650.000đ, lần 12 đóng 760.000đ, lần 13 đóng 740.000đ, lần 14 đóng 700.000đ. Sau đó, bà N đã đình hội (không góp hội nữa).

4/ Hội mở ngày 21/5/2021 (nhằm ngày 10/4/2021 âm lịch), bà N mở dây hội 1.000.000đ, hội mỗi tháng khai 01 lần, dây hội có 20 thành viên, bà tham gia 01 phần và đã đóng hội sống cho bà N được 06 lần với số tiền 6.000.000đ, nhưng sau đó bà xác định lại bà đóng hội cho bà N 06 lần (từ tháng 4/2021 đến tháng 9/2021 âm lịch) với số tiền 4.270.000đ, cụ thể như sau: lần 1 đóng 750.000đ, lần đóng 750.000đ, lần 3 đóng 700.000đ, lần 4 đóng 630.000đ, lần 5 đóng 700.000đ và lần 6 đóng 740.000đ, sau đó thì bà không đóng cho bà N nữa vì đến tháng 10/2021 bà N đã đình hội (không góp hội nữa).

5/ Hội mở ngày 13/02/2021 (nhằm ngày 02/01/2021 âm lịch), bà N mở dây hội 1.000.000đ, hội mỗi tháng khai 01 lần, dây hội có 20 thành viên, bà tham gia 02 phần, 01 phần bà đóng hội sống cho bà N đến lần thứ 08 (tức tháng 8/2021) thì

hốt được số tiền 15.380.000đ (đã trừ hoa hồng 500.000đ), sau đó bà đóng hội chết đầy đủ đến mãn hội cho bà N. Đối với phần thứ 2 bà đóng hội sống cho bà N được 09 lần với số tiền 9.000.000đ nhưng sau đó bà xác định lại bà đóng hội cho bà N 09 lần với số tiền 6.680.000đ, cụ thể: lần thứ nhất đóng 750.000đ, lần 2 đóng 750.000đ, lần 3 đóng 750.000đ, lần 4 đóng 750.000đ, lần 5 đóng 750.000đ, lần 6 đóng 750.000đ, lần 7 đóng 750.000đ, lần 8 đóng 740.000đ, lần 9 đóng 690.000đ, đến tháng 10/2021 (âm lịch) thì bà N đã đình hội (không góp hội nữa).

Như vậy, tổng số tiền hội bà đã đóng cho bà N đối với các dây hội nêu trên là 31.220.000đ.

Việc giao dịch hội thì chồng bà N là ông Lê Văn D có tham gia và biết. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn D có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 31.220.000đ. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà là em dâu của bà Lê Ngọc H (tên tham gia hội là Chị Hai Đ), là vợ của ông Lê Văn D. Bà mở và làm chủ hội từ năm 2011 cho đến khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát thì không làm hội nữa do phần lớn hội viên đã rút hội. Khi bà mở hội bà H có tham gia nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 01/5/2021 (nhằm ngày 20/3/2021 âm lịch), bà mở dây hội 1.000.000đ, mỗi tháng khai 01 lần, dây hội có 20 thành viên, trong đó bà Lê Ngọc H tham gia 01 phần, bà H đóng hội sống cho bà được 07 lần (từ tháng 3/2021 đến tháng 8/2021 âm lịch): lần 1 đóng 750.000đ, lần 2 đóng 790.000đ, lần 3 đóng 770.000đ, lần 4 đóng 800.000đ, lần 5 đóng 800.000đ, lần 6 đóng 760.000đ, lần 7 đóng 800.000đ, tổng cộng là 5.470.000đ. Sau đó, bà H đến gặp bà để rút lại vốn và bà đã hoàn vốn lại cho bà H đủ số tiền trên.

- Ngày 05/6/2021 (nhằm ngày 25/4/2021 âm lịch), bà mở dây hội 1.000.000đ, hội mỗi tháng khai 01 lần, dây hội có 20 thành viên, bà H tham gia 01 phần và đóng hội sống cho bà được 06 lần (từ tháng 4/2021 đến tháng 9/2021 âm lịch), cụ thể: lần 1 đóng 750.000đ, lần 2 đóng 750.000đ, lần 3 đóng 700.000đ, lần 4 đóng 700.000đ, lần 5 đóng 750.000đ, lần 6 đóng 700.000đ, tổng cộng là 4.350.000đ. Sau đó, bà H đến gặp bà để rút lại vốn và bà đã hoàn lại cho bà H đủ số tiền trên.

- Ngày 01/10/2020 (nhằm ngày 15/8/2020 âm lịch), bà mở dây hội 1.000.000đ, hội mỗi tháng khai 01 lần, dây hội có 20 thành viên, bà H tham gia 01 phần, dây hội này bà H đóng hội sống cho bà được 14 lần (từ tháng 8/2020 đến tháng 9/2021 âm lịch), cụ thể: Lần 1 đóng 800.000đ, lần 2 đóng 750.000đ, lần 3 đóng 700.000đ, lần 4 đóng 690.000đ, lần 5 780.000đ, lần 6 đóng 800.000đ, lần 7 đóng 740.000đ, lần 8 đóng 800.000đ, lần 9 đóng 750.000đ, lần 10 đóng 790.000đ, lần 11 đóng 650.000đ, lần 12 đóng 760.000đ, lần 13 đóng 740.000đ, lần 14 đóng

700.000đ, tổng cộng là 10.450.000đ, đến tháng 10/2021 thì bà H kêu 310.000đ và là người hốt hụi với số tiền 11.950.000đ (đã trừ tiền hoa hồng 500.000đ), bà đã giao hụi cho bà H số tiền này xong và bà H cũng đóng hụi chết cho bà đầy đủ nên bà không có tranh chấp gì với bà H. Còn việc bà H trình bày đây hụi này bà còn nợ bà H số tiền 10.450.000đ là không đúng nên bà không đồng ý.

- Ngày 21/5/2021 (nhằm ngày 10/4/2021 âm lịch), bà mở đây hụi 1.000.000đ, hụi mỗi tháng khui 01 lần, đây hụi có 20 thành viên, bà H tham gia 01 phần, đây hụi này bà H đóng hụi sống cho bà được 06 lần (từ tháng 4/2021 đến tháng 9/2021 âm lịch), cụ thể: Lần 1 đóng 750.000đ, lần 2 đóng 750.000đ, lần 3 đóng 700.000đ, lần 4 đóng 630.000đ, lần 5 đóng 700.000đ và lần 6 đóng 740.000đ, tổng cộng là 4.270.000đ. Sau đó bà H đến gặp bà để rút lại vốn và bà đã hoàn lại cho bà H đủ số tiền này.

- Ngày 13/02/2021 (nhằm ngày 02/01/2021 âm lịch), bà mở đây hụi 1.000.000đ, hụi mỗi tháng khui 01 lần, đây hụi có 20 thành viên, bà H tham gia 02 phần, 01 phần bà H đóng hụi sống cho bà đến lần thứ 08 (tức tháng 8/2021) thì hốt được số tiền 15.380.000đ (đã trừ hoa hồng 500.000đ) bà đã giao cho bà H đủ số tiền này. Đối với phần còn lại bà H đóng cho bà được 09 lần, lần thứ nhất đóng 750.000đ, lần 2 đóng 750.000đ, lần 3 đóng 750.000đ, lần 4 đóng 750.000đ, lần 5 đóng 750.000đ, lần 6 đóng 750.000đ, lần 7 đóng 750.000đ, lần 8 đóng 740.000đ, lần 9 đóng 690.000đ, tổng cộng là 6.680.000đ. Sau đó, bà H không còn đóng lần nào nữa mà xin rút vốn và bà đã hoàn trả lại đủ số tiền trên cho bà H xong.

Bà Nguyễn Thị N xác định bà H có tham gia hụi và đóng hụi cho bà nhưng sau đó bà H xin rút vốn và bà đã trả đủ cho bà H nên không còn nợ nần gì, được thể hiện tại tờ “Rút vốn nghĩ - chị 2 Đen” có chữ ký của bà H. Do đó, việc bà H yêu cầu vợ chồng bà trả cho bà H số tiền 31.220.000đ thì bà không đồng ý.

Trong việc mở và làm chủ hụi chỉ có một mình bà làm, ông D hoàn toàn không biết cũng không có tham gia.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H yêu cầu bà N và ông D có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ hụi là 20.860.000đ. Bà N không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà H.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST, ngày 21/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phưong.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Ngọc H

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn D có trách nhiệm trả cho bà Lê Ngọc H số tiền nợ hui là 20.860.000 đồng (Hai mươi triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng), không tính lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 30/8/2023, bị đơn Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DSST ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Ngọc H về việc yêu cầu bà trả cho bà H số tiền hui còn nợ là 20.860.000đ (Hai mươi triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn bà Lê Ngọc H không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về kháng cáo của bà Nguyễn Thị N yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc H, xét thấy:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị N xác định trong thời gian từ ngày 01/10/2020 (nhằm ngày 15/8/2020 âm lịch) đến ngày 05/6/2021 (nhằm ngày 25/4/2021 âm lịch), bà H có tham gia 05 dây hụi do bà N mở và làm chủ hụi; bà H đã đóng tiền hụi cho bà N với tổng số tiền là 29.860.000đ, cụ thể: Hụi mở ngày 01/5/2021 (nhằm ngày 20/3/2021 âm lịch) bà đóng cho bà N được 06 lần với số tiền 4.710.000đ, hụi mở ngày 05/6/2021 (nhằm ngày 25/4/2021 âm lịch) bà đóng cho bà N 06 lần với số tiền là 4.350.000đ, hụi mở ngày 01/10/2020 (nhằm ngày 15/8/2020 âm lịch) bà đóng cho bà N được 14 lần với số tiền 10.450.000đ, hụi mở ngày 21/5/2021 (nhằm ngày 10/4/2021 âm lịch) bà đóng cho bà N 06 lần với số tiền 4.270.000đ, phần hụi sống còn lại của dây hụi ngày 13/02/2021 (nhằm ngày 02/01/2021 âm lịch) bà đóng cho bà N được 08 lần với số tiền 6.080.000đ.

[1.2] Bà N cho rằng dây hụi ngày 13/02/2021 (nhằm ngày 02/01/2021 âm lịch) bà Lê Ngọc H đã hốt một phần với số tiền 15.380.000đ (đã trừ hoa hồng 500.000đ) và bà đã giao cho bà H đủ số tiền này nhưng sau khi hốt bà H chưa đóng hụi chết lại cho bà 1 lần với số tiền 12.000.000đ nên bà đề nghị trừ số tiền này vào số tiền 29.860.000đ, còn lại 17.860.000đ. Bà H thừa nhận số tiền hụi mà bà được hốt của dây hụi ngày 13/02/2021 (nhằm ngày 02/01/2021 âm lịch) là 15.380.000đ (đã trừ hoa hồng 500.000đ) nhưng bà H không thừa nhận bà có nhận đủ số tiền 15.380.000đ từ bà N, bà H chỉ thừa nhận bà N giao cho bà số tiền 300.000đ. Bà N thì không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà đã giao cho bà H đủ số tiền hụi 15.380.000đ. Đối với chứng cứ mà bà N đưa ra là tờ “Rút vốn nghĩ – chị 2 Đen” thì không thể hiện nội dung bà H đã nhận số tiền hụi 15.380.000đ từ bà N và không thể hiện nội dung bà N không còn nợ tiền của bà H; hơn nữa, bà N cũng thừa nhận tờ “Rút vốn nghĩ – chị 2 Đen” không có chữ ký của bà H. Vì vậy, không có cơ sở để xác định bà N đã giao đủ số tiền hụi 15.380.000đ cho bà H.

[1.3] Về số tiền 20.860.000đ mà Bản án sơ thẩm buộc bà N và ông D trả cho bà H, xét thấy, bà H đã đóng hụi sống cho bà N với tổng số tiền là 29.860.000đ. Bà H đồng ý trừ số tiền hụi chết 12.000.000đ vào số tiền 29.860.000đ, cộng với số tiền hụi còn lại của dây hụi ngày 13/02/2021 (nhằm ngày 02/01/2021 âm lịch) là 3.000.000đ ($15.380.000đ - 300.000đ - 12.000.000đ = 3.080.000đ$, bà H tính tròn là 3.000.000đ); xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà H, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội và có lợi cho bà N và ông D nên được chấp nhận. Do vậy, Bản án sơ thẩm buộc bà N và ông D trả cho bà H số tiền 20.860.000đ là có căn cứ.

[1.4] Trong vụ án này, bà N mở và làm chủ hụi với mục đích có thu nhập để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình; ông Lê Văn D là chồng đang sống chung

với bà N, ông biết bà N mở và làm chủ hội và ông có chở bà N đi góp hội nên Bản án sơ thẩm buộc vợ chồng bà N, ông D có nghĩa vụ trả nợ hội cho bà H số tiền 20.860.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Bà H không yêu cầu trách nhiệm liên đới của bà N và ông D mà chỉ yêu cầu bà N và ông D cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà H nên Bản án sơ thẩm không buộc trách nhiệm liên đới của bà N và ông D là có căn cứ. Các đương sự không ai kháng cáo về phần nghĩa vụ trả nợ chung của ông D nên phần này của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[1.5] Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ nhưng bà N được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 18 và Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc H.

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn D có nghĩa vụ trả cho bà Lê Ngọc H số tiền nợ hội là 20.860.000đ (*Hai mươi triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn D chịu 1.043.000 đồng (Một triệu không trăm bốn mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị N chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 0003107 ngày 30/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long; bà N đã nộp đủ.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ của ông Lê Văn D không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP . HCM;
- VKSND tỉnh VL;
- TAND huyện Bình Tân;
- Chi cục THADS huyện Bình Tân;
- Dương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Hà